TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số: 659/2020/LĐ-PT Ngày: 14/7/2020 V/v Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Giang
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng
Bà Lê Thị Hoàng Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Tâm Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Vào ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2019/TLPT-LĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động".

Do bản án lao động sơ thẩm số 897/2019/LĐ-ST ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3277/2020/QĐPT-LĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Hà Thảo N**, sinh năm 1991; Cư trú tại: đường A, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* **Công ty Trách nhiệm hữu hạn T**; Trụ sở: đường E, Phường G, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông **V –** Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của công ty: Ông **Nguyễn Hồ Minh T**, sinh năm 1994; Cư trú tại: đường K, Phường L, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Văn bản ủy quyền ngày 08/4/2019).

- *Người kháng cáo:* **Công ty Trách nhiệm hữu hạn T**, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/01/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Hà Thảo N trình bày:

Tháng 4/2017, bà Hà Thảo N (từ đây gọi là bà N) được Công ty Trách nhiệm hữu hạn T (từ đây gọi là Công ty T) tuyển dụng vào làm với vị trí nhân viên Marketing. Tháng 6/2017, Công ty T và bà N ký kết Hợp đồng lao động xác định thời hạn 01 năm. Ngày 03/6/2018, hai bên tiếp tục ký kết hợp đồng lao động số 017-HDLD-2/18, là hợp đồng xác định thời hạn 02 năm từ ngày 03/6/2018 đến ngày 02/6/2020.

Ngày 05/10/2018, qua email, bà N nhận được thông báo của Công ty T về việc chấm dứt hợp đồng lao động số 017-HDLD-2/18 kể từ ngày 03/11/2018, lý do Tái cơ cấu. Tuy nhiên, Công ty T không chứng minh được lý do tái cấu cơ cấu thuộc trong các trường hợp được quy định tại Điều 13 Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 và không thực hiện những nghĩa vụ theo quy định tại Điều 44 Bộ luật Lao động. Nhận thấy, Công ty T đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên bà N khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc Công ty T thực hiện theo nghĩa vụ được quy định tại Điều 42 Bộ luật lao động, cụ thể: phải trả tiền lương cho những ngày không được làm việc từ tháng 11/2018 đến tháng 4/2019 là 90.000.000 đồng; bồi thường 10 tháng tiền lương là 150.000.000 đồng, theo quy định tại Khoản 1 Điều 42 Bộ luật lao động; bà N không muốn tiếp tục làm việc nên Công ty T phải trả trợ cấp thôi việc là 7.500.000 đồng, tương đương nửa tháng lương, theo quy định tại Khoản 1 Điều 42 Bộ luật lao động. Yêu cầu trả tiền một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, bà N trình bày ý kiến như sau: từ khi làm việc tại Công ty T cho đến khi chấm dứt hợp đồng lao động, hai bên thỏa thuận ký kết 02 hợp đồng lao động. Hợp đồng đầu tiên là hợp đồng xác định thời hạn 01 năm và Hợp đồng thứ hai là hợp đồng xác định thời hạn 02 năm từ ngày 03/6/2018 đến ngày 02/6/2020. Tháng 10/2018, bà N nhận được thông báo của Công ty T về việc chấm dứt hợp đồng lao động từ ngày 02/11/2018 qua email, đồng thời nhận được Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 04/2018-CDHDLD ngày 03/10/2018 của Công ty T. Không đồng ý với lý do chấm dứt hợp đồng lao động, bà N đã có ý kiến phản hồi đến người đại diện của công ty nhưng công ty vẫn giữ nguyên quyết định chấm dứt hợp đồng lao động. Vì vậy, theo thủ tục bà N phải bàn giao công việc và chính thức nghỉ việc tại Công ty từ ngày 03/11/2018. Bà N xác nhận Công ty T đã trả lương đến tháng 10/2018; đã đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đến tháng 10/2018; đã giao sổ bảo hiểm và bà N đã nhận tiền trợ cấp thất nghiệp từ cơ quan bảo hiểm. Tại buổi hòa giải ngày 28/11/2018, không có đại diện hợp pháp của Công ty T nhưng Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội Quận B có thông báo cho bà N về việc công ty cung cấp Quyết định thu hồi, hủy bỏ Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động và Thông báo mời bà N trở lại làm việc. Bà N cho rằng Công ty T không có thiện chí mời bà quay trở lại làm việc vì khi hòa giải không có người đại diện hợp pháp của công ty, mời lại làm việc nhưng không thỏa thuận về số tiền bồi thường. Ngoài ra, bà N cho rằng việc Công ty T ban hành Quyết định thu hồi, hủy bỏ và Thông báo mời lại làm việc là nhằm đối phó cho buổi hòa giải tại Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội Quận B vì thời gian mà bà nhận được bưu phẩm của công ty là sáng ngày 28/11/2018 còn thời gian buổi hòa giải là 14 giờ ngày 28/11/2018. Nhận thấy Công ty T đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái

pháp luật và cũng không có thiện chí hòa giải nên bà N khởi kiện tại Tòa án. Nay, bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: bị đơn Công ty T đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên Công ty T phải trả tiền lương từ tháng 11/2018 đến tháng 9/2019 là 165.000.000 đồng, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày không được làm việc; bồi thường 02 tháng tiền lương là 30.000.000 đồng; bà N không muốn tiếp tục làm việc nên đề nghị chấm dứt Hợp đồng số 017-HDLD-2/18 ngày 03/6/2018 kể từ ngày 17/9/2019 và trả tiền trợ cấp thôi việc là 7.500.000 đồng. Yêu cầu trả tiền một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai và trong quá trình xét xử, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn T có ông Nguyễn Hồ Minh T là người đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Công ty T tuyển dụng bà N với chức danh nhân viên Marketing. Sau khi kết thúc thời gian thử việc, ngày 03/6/2017 bà N chính thức là nhân viên của công ty. Ngày 03/6/2018, Công ty T và bà N ký kết hợp đồng lao động số 017-HDLD-2/18, là loại hợp đồng lao động xác định thời hạn 02 năm từ 03/6/2018 đến ngày 02/6/2020.

Trong giai đoạn cuối năm 2018, Chủ sở hữu công ty có chủ trương tái cơ cấu lại bộ máy tổ chức, nhưng do bất đồng ngôn ngữ nên Giám đốc và bộ phận nhân sự có sự nhầm lẫn trong tiến độ thực hiện tái cơ cấu, kế hoạch sử dụng lao động dẫn đến việc ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với bà N.

Ngày 26/11/2018, Công ty T ban hành Quyết định số 06/QĐ-18 về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 04/2018-CDHDLD ngày 03/10/2018 và Thông báo số 07/TB-18 về việc mời bà N quay trở lại làm việc theo hợp đồng đã ký kết từ ngày 01/12/2018.

Ngày 28/11/2018, bà N nhận được Quyết định và Thông báo nêu trên, có sự xác nhận của Phòng lao động – Thương binh và Xã hội Quận B nhưng cho đến nay bà N không có phản hồi và cũng không trở lại công ty làm việc. Vì vậy, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày như sau:

Ông T đồng ý và không bổ sung gì đối với phần trình bày của ông H – là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Hiếu là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày như sau:

Về tố tụng: Theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì những trường hợp cơ quan, tổ chức được cấp, tống đạt, thông báo có người đại diện tham gia tố tụng thì người này ký nhận văn bản tố tụng đó. Trong lần triệu tập phiên tòa lần thứ nhất, Tòa án không tống đạt cho người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty T là ông T mà lại niêm yết văn bản tại trụ sở của công ty là không đúng theo quy định của tố tụng dân sự.

Vì do không nhận thông báo triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ nhất nên sau khi nhận được thông báo triệu tập lần hai, đại diện của bị đơn là ông T đã có đơn

yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ là quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của bà N từ thời điểm 01/12/2018 đến 01/9/2019 tại Bảo hiểm Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh. Việc thu thập chứng cứ này là để chứng minh bà N đã có công việc mới, có thu nhập trong thời gian qua nên yêu cầu của bà N về trả tiền lương trong những ngày không được làm việc, tiền bồi thường là không có cơ sở. Tuy nhiên cho đến nay, bên bị đơn vẫn chưa thu thập được những tài liệu này và vẫn chưa được Tòa án xem xét để tiến hành thu thập chứng cứ.

Vì những lý do trên, đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để đảm bảo quyền lợi cho bị đơn khi tham gia phiên tòa, đồng thời có đầy đủ chứng cứ để giải quyết vụ án một cách toàn diện nhất.

Trong trường hợp không hoãn phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N vì những lý do sau:

Về yêu cầu tính tiền lương từ tháng 11/2018 đến tháng 9/2019 là không hợp lý vì Công ty đã có thông báo mời bà N quay trở lại làm việc nhưng do bà N không đồng ý và đã có thu nhập từ hợp đồng lao động với công ty khác.

Về yêu cầu bồi thường 02 tháng tiền lương theo hợp đồng: là không có cơ sở vì căn cứ theo hợp đồng thì không có nội dung bồi thường theo hợp đồng.

Về trợ cấp: là không hợp lý vì bà N đã nhận tiền trợ cấp thất nghiệp tại cơ quan bảo hiểm xã hội nên công ty không có nghĩa vụ phải trả thêm trợ cấp thôi việc cho bà N.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 897/2019/LĐ-ST ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận B đã quyết định:

Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, 227, Khoản 1 Điều 244, 264, 266, 267, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 21, 36, 38, 40, 41, 42, 48 Bộ luật Lao động;

Căn cứ điểm a Khoản 1, Khoản 3 Điều 2; Khoản 2 Điều 3; Khoản 1 Điều 19 và Khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Hà Thảo N như sau:

1.1. Tuyên bố Quyết định số 04/2018-CDHDLD ngày 03/10/2018 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T về việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà Hà Thảo N là đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

1.2. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T phải trả cho bà Hà Thảo N số tiền 202.500.000 đồng, gồm các khoản sau:

- Tiền lương trong những ngày không được làm việc từ tháng 11/2018 đến tháng 9/2019 là 165.000.000 đồng;

- 02 tháng tiền lương là 30.000.000 đồng;

- Trợ cấp thôi việc là 7.500.000 đồng.

Trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1.3. Ghi nhận Hợp đồng lao động số 017-HDLD-2/18 ngày 03/6/2018 chấm dứt kể từ ngày 17/9/2019 do bà Hà Thảo N tự nguyện không trở lại làm việc.

1.4. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T và bà Hà Thảo N phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định cho bà Hà Thảo N với mức lương là 15.000.000 đồng/tháng từ ngày 03/11/2018 đến ngày 17/9/2019. Thực hiện đóng tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật và chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà Hà Thảo N.

2. Án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về lao động:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn T phải chịu là 6.075.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền thi hành án của các đương sự.

Ngày 02/10/2019, người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn T là ông V, chức vụ: Giám đốc có đơn kháng cáo không đồng ý quyết định của bản án sơ thẩm với lý do: Tòa sơ thẩm chưa xem xét đánh giá toàn diện, khách quan sự việc có tranh chấp và vi phạm thủ tục tố tụng gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Đề nghị được xét xử lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, xin xem xét lại nội dung sự việc có tranh chấp để bảo đảm tính khách quan, công bằng.

Nguyên đơn tham gia phiên tòa không đồng ý với nội dung kháng cáo của bị đơn, xác định Tòa sơ thẩm đã giải quyết đúng nội dung sự việc có tranh chấp và đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát tại giai đoạn xét xử phúc thẩm như sau:

1/ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án, các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng.

2/ Đề xuất về đường lối giải quyết vụ án: Trong vụ việc tranh chấp này cần xác định hai giai đoạn.

+ Giai đoạn đầu (từ 3/11/2018 đến 30/11/2018) Công ty TNHH T đã ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Hà Thảo N là không đúng với quy định của pháp luật về lao động; Vì thế cần buộc bị đơn phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn tiền lương của 01 tháng làm việc và 02 tháng tiền lương theo quy định tại Điều 41 Bộ Luật Lao động.

+ Giai đoạn tiếp theo (từ 01/12/2018 đến khi kết thúc thời hạn của hợp đồng), thấy rằng: Vào ngày 26/11/2018 công ty TNHH T có ban hành Quyết định số 06/QĐ-18 về việc thu hồi, hủy bỏ quyết định số 04/2018/CDHDLD ngày 03/10/2018 về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Hà Thảo N; Đồng thời ra Thông báo số 07/TB-18 về việc mời bà N trở lại công ty làm việc với mức lương và hợp đồng lao động đã ký; nhưng bà Hà Thảo N cho rằng Công ty không có thiện chí mời bà Hà Thảo N quay trở lại công ty làm việc, người ra văn bản thông báo không phải là người đại diện theo pháp luật của công ty, đồng thời không đề cập đến mức bồi thường ở giai đoạn này nên từ chối trở về làm việc theo hợp đồng lao động đã ký. Như vậy, giai đoạn tiếp theo này bà N không trở lại công ty TNHH T làm việc thì lỗi không còn thuộc về bị đơn. Tòa sơ thẩm xác định công ty TNHH T đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà N trái pháp luật, buộc bị đơn phải bồi thường tiền lương lao động và quyền lợi cho bà N đến tháng 9/2019 là không chính xác, vì thế, cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa quyết định của bản án sơ thẩm theo hướng đã phân tích. Đồng thời nguyên đơn không được nhận khoản tiền trợ cấp thôi việc như quyết định của bản án sơ thẩm. Tuy nhiên cần điều chỉnh mức đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế của các bên đương sự đến hết tháng 11/2018 để bà N được cấp sổ Bảo hiểm xã hội theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu phúc thẩm hồ sơ vụ án được kiểm tra công khai chứng cứ tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của bị đơn được làm trong thời hạn luật định, phù hợp với các quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo luật định là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn; Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

+ Vào tháng 6/2017, giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn T và bà Hà Thảo N ký kết hợp đồng lao động xác định thời hạn 01 năm, vị trí công việc là nhân viên Marketing, hết thời hạn của hợp đồng, hai bên ký tiếp hợp đồng lao động với công việc cũ, thời hạn của hợp đồng là 02 năm từ ngày 03/6/2018 đến ngày 02/6/2020. Quá trình thực hiện hợp đồng, vào ngày 05/10/2018 qua email, bà N nhận được Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động của Tổng giám đốc công ty với lý do Tái cơ cấu. Tại thời điểm này, bà N nhận thấy công ty không có thiện chí hòa giải và chưa xử lý thỏa đáng tiền lương cho người lao động trong thời gian bị mất việc làm nên không đồng ý quay trở về công ty làm việc sau thời gian 01 tháng mặc dù

người đại diện theo pháp luật của công ty đã ban hành quyết định thu hồi, hủy bỏ quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với bà N và có thư mời bà N trở về làm việc theo công việc cũ, mức lương được nhận không thay đổi.

Giải quyết sơ thẩm vụ án, Tòa án nhân dân Quận B Thành phố Hồ Chí Minh đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T phải trả cho bà Hà Thảo N số tiền 202.500.000 đồng, gồm các khoản sau:

- Tiền lương trong những ngày không được làm việc do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật từ tháng 11/2018 đến tháng 9/2019 (theo yêu cầu của nguyên đơn), với số tiền là 165.000.000 đồng;

- 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 30.000.000 đồng;

- Trợ cấp thôi việc là 7.500.000 đồng.

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Việc giải quyết tranh chấp lao động như đã nêu phần trên của Tòa án cấp sơ thẩm là chưa chính xác bởi các lý do sau đây:

Đầu tháng 10/2018 bà Hà Thảo N nhận được thông báo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T về việc chấm dứt hợp đồng lao động từ ngày 03/11/2018 qua email, đồng thời nhận được quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 04/2018-CDHDLD ngày 03/10/2018 của Tổng giám đốc công ty TNHH T. Ngay sau đó bà Hà Thảo N có đơn khiếu nại đến Cơ quan quản lý lao động tại địa phương là Phòng Lao động Thương binh và Xã hội Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Giải quyết tranh chấp lao động tại đây, bà Hà Thảo N cho rằng bị đơn Công ty TNHH T không có thiện chí hòa giải, chưa giải quyết thỏa đáng bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên khi có quyết định của công ty về việc thu hồi, hủy bỏ quyết định số 04/2018-CDHDLD ngày 03/10/2018 và thông báo số 07/TB-18 về việc công ty mời bà N quay trở về làm việc theo hợp đồng lao động đã ký kể từ ngày 01/12/2018 thì bà N không đồng ý quay trở về công ty làm việc. Như vậy cần nhận định như sau:

+ Thời gian từ 03/11/2018 đến 30/11/2018 Công ty TNHH T đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với bà Hà Thảo N nên phải bồi thường cho bà N tiền lương tháng 11/2018 là 15.000.000 đồng và 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, số tiền 30.000.000 đồng.

Tổng số tiền phải bồi thường là 45.000.000 (Bốn mươi lăm triệu) đồng.

+ Thời gian từ 01/12/2018 đến thời điểm chấm dứt hợp đồng theo thỏa thuận: Thời gian này bà Hà Thảo N không quay trở lại công ty làm việc theo hợp đồng lao động đã ký, lỗi không thuộc về bị đơn nên công ty TNHH T không phải trả tiền lương lao động từ 01/12/2018 cho đến khi kết thúc hợp đồng lao động.

+ Do bà Hà Thảo N tự ý chấm dứt hợp đồng lao động nên không được nhận khoản trợ cấp thôi việc với số tiền 7.500.000 đồng như Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định.

+ Đối với quyết định của bản án sơ thẩm về trách nhiệm đóng Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cũng cần điều chỉnh lại cho phù hợp: Bà Hà Thảo N cùng công ty TNHH T phải thực hiện nộp Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế với thời gian từ 03/11/2018 đến 30/11/2018 tại Cơ quan Bảo hiểm xã hội tại địa phương để được cấp sổ bảo hiểm xã hội theo quy định.

Như phân tích và nhận định phần trên, sau khi có ý kiến đề xuất của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhất trí hướng giải quyết vụ án như đã phân tích: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án lao động sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận B Thành phố Hồ Chí Minh nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn bà Hà Thảo N được miễn. Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn T phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 1.350.000 (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng.

Án phí lao động phúc thẩm: Nguyên đơn bà Hà Thảo N được miễn. Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn T không phải chịu, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2018/0014742 ngày 14/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 21, Điều 36, Điều 38, Điều 40, Điều 41, Điều 42, Điều 48 Bộ luật Lao động.

Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điểm a, khoản 1, khoản 3 Điều 2, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 9 và khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu miễn giảm, thu nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

I/ Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của bị đơn – Công ty Trách nhiệm hữu hạn T vì làm trong thời hạn luật định.

II/ Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Sửa bản án lao động sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1/ Tuyên bố quyết định số 04/2018/CDHDLD ngày 03/10/2018 của Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T về việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà Hà Thảo N là đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T phải trả tiền lương trong những ngày bà Hà Thảo N không làm việc từ 03/11/2018 đến 30/11/2018, số tiền 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng và bồi thường 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo quy định tại Khoản 2 Điều 42 Bộ luật Lao động, số tiền 15.000.000 đồng x 2 tháng = 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

Tổng số tiền phải bồi thường là 45.000.000 (Bốn mươi lăm triệu) đồng.

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Hợp đồng lao động số 017-HDLD-2/18 ngày 03/6/2018 được ký kết giữa bà Hà Thảo N với Công ty Trách nhiệm hữu hạn T chấm dứt kể từ ngày 01/12/2018.

3/ Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T và bà Hà Thảo N phải đóng Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định cho bà Hà Thảo N theo mức lương 15.000.000 đồng/tháng từ 03/11/2018 đến 30/11/2018, thực hiện nộp ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền tại địa phương; chốt sổ Bảo hiểm xã hội cho bà N theo quy định.

4/ Không chấp nhận yêu cầu của bà Hà Thảo N về việc đòi Công ty TNHH T phải trả tiền trợ cấp thôi việc là 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm) đồng.

5/ Về án phí:

Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn bà Hà Thảo N được miễn. Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn T phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 1.350.000 (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng.

Án phí lao động phúc thẩm: Nguyên đơn bà Hà Thảo N được miễn. Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn T không phải chịu, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2018/0014742 ngày 14/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Tòa án nhân dân Quận B;
- Cục Thi hành dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận B;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

Đỗ Giang